

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Trung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Trắc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-
HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29
tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐ ST-HNGĐ ngày
19/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Ấp C, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Quốc Kh, sinh năm 1978. Trú tại: Ấp C, xã T, huyện Vĩnh
Hưng, tỉnh Long An.

Bà B có mặt, ông Kh vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/9/2017, tại
biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên
yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: xin ly hôn với ông Kh; Về con chung: yêu

cầu nuôi con chung tên Trần Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 03/6/2005 và Trần Khánh S, sinh ngày 28/6/2010, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên ông Kh không có lời trình bày.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau: Bà B và ông Kh tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu nhau thời gian 02 đến 03 năm, bà và ông Kh có tổ chức lễ cưới vào ngày 19/7/2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 106 quyển số 01 ngày 18/12/2003. Sau khi cưới, vợ chồng bà sống chung với gia đình bên chồng, thu nhập chủ yếu của vợ chồng bà là làm thuê. Bà và ông Kh có hai con chung tên Trần Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 03/6/2005 và Trần Khánh S, sinh ngày 28/6/2010. Về tài sản chung và nợ chung thì không có. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Kh không chăm lo làm ăn, thường xuyên qua Campuchia để đánh bạc. Từ năm 2007 đến nay, bà đã về nhà cha mẹ ruột ở 03 lần, mỗi lần như vậy thì ông Kh có đón bà về và hứa không đi đánh bạc nhưng ông Kh không khắc phục. Vì vậy, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân với ông Kh không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành tương đối đầy đủ và đúng quy định pháp luật nhưng vẫn còn một số tồn tại như: xem xét đơn khởi kiện trễ 01 tháng 04 ngày; Thiếu biên bản về việc không thực hiện được việc giao, tổng đạt đối với thông báo hoãn phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải số 88/TB-TA ngày 07/11/2017; Biên bản về việc không thực hiện được việc giao, tổng đạt các thủ tục tố tụng của Tòa án thiếu xác nhận (không có dấu của UBND); Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thiếu chứng thực. Các tồn tại nêu trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 95, Điều 177, Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ít nghiêm trọng, kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Bà B và ông Kh mâu thuẫn từ việc ông Kh ham mê cờ bạc, thường xuyên vắng mặt tại địa phương để đi chơi nên vợ chồng phát sinh cãi vã, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông Kh không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ; Hai con chung Trần Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 03/6/2005 và Trần Khánh S, sinh ngày 28/6/2010 đã trên 7 tuổi đều có nguyện vọng muốn ở với bà B và xét điều

kiện sinh sống làm việc của hai bên thì bà B đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà B. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập. Về chia tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đề cập.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Ngoài các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp như: bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh các con, xác nhận về cư trú ông Kh, bản tự khai, bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà B, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ như: bản tự khai ghi ý kiến của các con chung, xác minh tình trạng hôn nhân của ông Kh và bà B tại nơi sinh sống ngày 13/11/2017. Các tài liệu chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà B yêu cầu ly hôn với ông Kh và tranh chấp nuôi con chung; ông Kh có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[2] Về tố tụng: Ông Kh đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Kh là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà B và ông Kh là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2003 theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Từ năm 2007, ông Kh không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên qua Campuchia đánh bạc, bà B cùng gia đình đã nhiều lần khuyên ông Kh nhưng ông Kh vẫn không khắc phục được, kinh tế gia đình lâm vào tình trạng khó khăn, một mình bà B phải gánh vác chuyện gia đình từ đó cuộc sống hôn nhân của bà B không còn hạnh phúc nên bà B đã đưa con về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An sinh sống từ ngày 14/4/2017 cho đến nay, các vấn đề này cũng được thể hiện trong biên bản xác minh ngày 13/11/2017 qua lời khai của nguyên trưởng ấp C, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Từ khi bà B bỏ đi cho đến khi Tòa án giải quyết vụ việc, bà B và ông Kh cũng không liên lạc với nhau, ông Kh cũng không có ý kiến nào thể hiện ý chí muốn về đoàn tụ để xây dựng lại gia đình;

Tại phiên tòa bà B xác định đã không còn tình cảm với ông Kh và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà B và ông Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung tên Trần Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 03/6/2005 và Trần Khánh S, sinh ngày 28/6/2010 đang sinh sống ổn định cùng bà B tại ấp A, xã B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, bà B vẫn đảm bảo việc học tập, phát triển lành mạnh về mọi mặt cho các cháu; Đồng thời, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà B nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B, giao các con chung Trần Thị Huỳnh Tr, Trần Khánh S cho bà B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông Kh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn tranh chấp nuôi con của bà B.

[6] Về án phí: Bà B có đơn xin miễn tiền án phí vì thuộc đối tượng hộ nghèo nhưng sổ hộ nghèo bà cung cấp cho Tòa án chỉ có giá trị đến hết ngày 31/12/2017 và tại phiên tòa bà không cung cấp được chứng cứ khác nên không có căn cứ để miễn tiền án phí cho bà. Vì vậy, bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, đối với kiến nghị cho rằng việc lập biên bản về việc không thực hiện được việc giao, tổng đạt các thủ tục tố tụng của Tòa án thiếu xác nhận (không có dấu của UBND) thì theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự không bắt buộc phải có dấu của UBND mà chỉ cần có xác nhận của tổ dân phố hoặc công an xã, phường, thị trấn; các kiến nghị còn lại Tòa án ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Lê Thị B.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Trần Quốc Kh.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Huỳnh Tr, sinh ngày 03/6/2005 (nữ) và Trần Khánh S, sinh ngày 28/6/2010 (nam) cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho bà B biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu